TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2022/DS-ST
Ngày: 18/7/2022
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hành
2. Ông Trần Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2022/TLST-DS ngày 01/4/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-DS ngày 13/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-DS ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Trụ sở: Số 442, đường N, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P, Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ, Giám đốc phòng quản lý nợ (Giấy ủy quyền số 69/UQ-QLN.22 ngày 20/01/2022)

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh (Văn bản ủy quyền số 379/UQ-CNTL.22 ngày 08/3/2022) (có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

HKTT: Tổ 15, thị trấn V, huyện V, Hà Giang

Chỗ ở: Thôn L, xã N, huyện T, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, Ngân hàng TMCP A trình bày:*

Ngân hàng TMCP A đã cấp tín dụng cho bà Trần Thị N theo Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1978.201219 ngày 20/12/2019 (số tài khoản vay: 298757699), cụ thể như sau:

- Số tiền cho vay: 120.000.000 đồng

- Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay vào tài khoản thanh toán số 10156637 của bà Trần Thị N tại Ngân hàng TMCP A.

- Thời hạn giải ngân: 06 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng (20/12/2019).

- Thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu (từ ngày 21/12/2019 đến ngày 20/12/2024).

- Mục đích cho vay: Tiêu dùng, Không có tài sản bảo đảm

- Phương thức cho vay: Cho vay từng lần

- Lãi suất trong hạn: 11,50%/năm (tính theo dư nợ ban đầu); 22,62%/năm (tính theo dư nợ thực tế).

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

- Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Ngân hàng TMCP A cấp thẻ tín dụng cho bà Trần Thị N theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Trần Thị N ký ngày 17/12/2019; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A và Các văn bản khác của bà Trần Thị N ký với Ngân hàng TMCP A về việc sử dụng thẻ tín dụng, cụ thể như sau:

- Số thẻ tín dụng: 3567950000285424

- Ngày cấp: 10/01/2020

- Loại thẻ: JCB Gold (Thẻ tín dụng quốc tế)

- Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng

- Hiệu lực thẻ: Tháng 01/2023

- Lãi suất, phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng, bà Trần Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 24/9/2021, Ngân hàng TMCP A ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay chưa thanh toán của Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1978.201219. Ngày 20/01/2021, Ngân hàng TMCP A chuyển toàn bộ khoản thẻ tín dụng sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Ngày 27/12/2021, Ngân hàng TMCP A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với toàn bộ khoản thẻ chưa thanh toán nêu trên của bà Trần Thị N. Tính đến ngày 18/7/2022, bà Trần Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP A các khoản sau:

- Theo Hợp đồng cấp tín dụng: nợ gốc: 88.961.000 đồng; lãi trong hạn: 8.778.333 đồng; lãi quá hạn: 23.870.299 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.493.529 đồng. Tổng cộng: 123.103.161 đồng.

- Thẻ tín dụng số 3567950000285424: nợ lãi: 5.904.002 đồng.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc bà Trần Thị N thanh toán cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền nợ nêu trên.

- Bà Trần Thị N còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1978.201219, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A, kể từ ngày 19/7/2022 cho đến ngày trả hết nợ.

- Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Bị đơn là bà Trần Thị N đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa và không có lời khai.

Tại phiên tòa: Ngân hàng TMCP A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho nguyên đơn và tiền lãi phát sinh theo các văn bản tín dụng các bên đã ký kết. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu: Năm 2019, Ngân hàng TMCP A và bà Trần Thị N đã ký kết hợp đồng cấp tín dụng, và cấp thẻ tín dụng cho bà N theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Trần Thị N ký ngày 17/12/2019; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A và các văn bản khác của bà Trần Thị N ký với Ngân hàng TMCP A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết tại các văn bản tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo hồ sơ thể hiện, bà N có đăng ký tạm trú tại thôn L, xã N, huyện T, Hà Nội. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Xác minh tại địa phương: Bà N có đăng ký tạm trú tại thôn L, xã N, huyện T, Hà Nội, nhưng đã không còn sinh sống tại địa phương, không rõ chuyển đi đâu do không khai báo. Khi thay đổi nơi cư trú, bà N cũng không thông báo với Ngân hàng. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao, thuộc trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà N nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP A và bà N đã ký Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1978.201219 ngày 20/12/2019 với nội dung cho bà N vay số tiền là 120.000.000 đồng; và cấp thẻ tín dụng cho bà N theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Trần Thị N ký ngày 17/12/2019; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A và các văn bản khác của bà Trần Thị N ký với Ngân hàng TMCP A về việc sử dụng thẻ tín dụng.

Các văn bản tín dụng trên đều được các bên ký kết tự nguyện, những người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và các văn bản tín dụng khác phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 24/9/2021, Ngân hàng TMCP A ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay chưa thanh toán của Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1978.201219. Ngày 20/01/2021, Ngân hàng TMCP A chuyển toàn bộ khoản thẻ tín dụng sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn. Ngày 27/12/2021, Ngân hàng TMCP A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với toàn bộ khoản thẻ chưa thanh toán nêu trên của bà Trần Thị N và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng theo thỏa thuận của các bên đã ký. Ngân hàng yêu cầu bà N trả nợ gồm nợ gốc và lãi là phù hợp với các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Qua xem xét, việc tính lãi của Ngân hàng phù hợp với mức lãi suất theo hợp đồng nên được chấp nhận. Do vậy, buộc bà N phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 18/7/2022, cụ thể là:

- Theo Hợp đồng cấp tín dụng: nợ gốc: 88.961.000 đồng; lãi trong hạn: 8.778.333 đồng; lãi quá hạn: 23.870.299 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.493.529 đồng. Tổng cộng: 123.103.161 đồng.

- Thẻ tín dụng số 3567950000285424: nợ lãi: 5.904.002 đồng.

Tổng cộng: 129.007.163 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên bà N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 119, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;
- Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 18/7/2022 theo Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1978.201219 ngày 20/12/2019; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Trần Thị N ký ngày 17/12/2019; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A và các văn bản khác của bà Trần Thị N ký với Ngân hàng TMCP A về việc sử dụng thẻ tín dụng, cụ thể là:

- Theo Hợp đồng cấp tín dụng, số tiền nợ là: nợ gốc: 88.961.000 đồng; lãi trong hạn: 8.778.333 đồng; lãi quá hạn: 23.870.299 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.493.529 đồng. Tổng cộng: 123.103.161 đồng.
- Theo Thẻ tín dụng số 3567950000285424, số tiền nợ nợ lãi: 5.904.002 đồng.

Tổng số tiền nợ bà Trần Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A là: **129.007.163 đồng.**

2. Kể từ ngày 19/7/2022, bà N vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1978.201219 ngày 20/12/2019; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của bà Trần Thị N ký ngày 17/12/2019; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A và các văn bản khác của bà Trần Thị N ký với Ngân hàng TMCP A về việc sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí:

- Bà Trần Thị N phải nộp 6.487.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả Ngân hàng TMCP A số tiền 2.770.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0062410 ngày 29/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Thắng

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.